

PHỤ LỤC I. Ô TÔ CON

(Kèm theo Quyết định số 2938/QĐ-UBND ngày 17 tháng 9 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp)

Đơn vị tính: VND

STT	Loại tài sản	Nhãn hiệu	Kiểu loại xe	Nguồn gốc	Thể tích làm việc (Lít)	Số chỗ ngồi	Giá
A. XE MỚI PHÁT SINH							
1	Ô tô con	FORD	EVEREST (TEK7452B725)	Nhập khẩu	2	7	1.335.000.000
2	Ô tô con	FORD	EVEREST (TEKE9057539)	Nhập khẩu	2	7	1.217.000.000
3	Ô tô con	FORD	EVEREST TEKFB041716	Nhập khẩu	2,3	7	1.637.000.000
4	Ô tô con	FORD	EVEREST (TEKABF640A4)	Nhập khẩu	2	7	1.137.000.000
5	Ô tô con	GEELY	EX5 EM-I MAX P145	Nhập khẩu	1,5	8	909.000.000
6	Ô tô con	HONDA	CIVIC RS (FE168TG)	Nhập khẩu	1,5	5	889.000.000
7	Ô tô con	HONDA	CIVIC G (FE165TL)	Nhập khẩu	1,5	5	789.000.000
8	Ô tô con	HONDA	CIVIC RS FE168TG	Nhập khẩu	1,5	5	894.000.000
9	Ô tô con	HYUNDAI	CRETA I7W5D661V D D4B4	Nhập khẩu	1,5	5	552.000.000
10	Ô tô con	HYUNDAI	CRETA (I7W5D661V D D41Z)	Nhập khẩu	1,5	5	660.055.000
11	Ô tô con	HYUNDAI	CRETA I7W5D661V D D41Z	Nhập khẩu	1,5	5	660.055.000
12	Ô tô con	MAZDA	MAZDA MX-5 NH7VLAB	Nhập khẩu	2	2	1.339.000.000
13	Ô tô con	MITSUBISHI	XFORCE P1 LUX (GRIWXTGGLVVT)	Nhập khẩu	1,5	5	665.000.000
14	Ô tô con	SUZUKI	FRONX GL AT MWDA3S	Nhập khẩu	1,5	5	520.000.000
15	Ô tô con	TOYOTA	LAND CRUISER FJ CG (TRJ240L-GGTPKU)	Nhập khẩu	2,7	5	1.198.000.000
16	Ô tô con	VOLKSWAGEN	GOLF CD14LM	Nhập khẩu	1,5	5	878.000.000
17	Ô tô con	VOLKSWAGEN	GOLF (CDI3LM)	Nhập khẩu	1,5	5	763.000.000
18	Ô tô con	LYNK & CO	LYNK & CO 02 HALO E335	Nhập khẩu	2	5	898.000.000
19	Ô tô con	OMODA	OMODA C5 SHS-H FLAGSHIP	Nhập khẩu	1,5	4	669.000.000
20	Ô tô con	OMODA	OMODA C5 SHS-H FLAGSHIP (T341DHL4BR54E21EA)	Nhập khẩu	1,5	5	669.000.000
21	Ô tô con	FORD	TRANSIT	Việt Nam	2	9	220.000.000
22	Ô tô con	HONDA	CR-V E:HEV RS RS-RS588TJN	Việt Nam	2	5	1.250.000.000
23	Ô tô con	HYUNDAI	ELANTRA CN7 1.6 MPI GL	Việt Nam	1,6	5	621.000.000
24	Ô tô con	KIA	SONET QY PE 15G CVT FS5	Việt Nam	1,5	5	534.000.000
25	Ô tô con	KIA	SPORTAGE NQ5 PE 1.6 A HEV	Việt Nam	1,6	5	1.029.000.000
26	Ô tô con	MAZDA	CX-5 KL2W7A-03	Việt Nam	2	5	790.000.000
27	Ô tô con	MAZDA	CX-5 KL2W7A-01	Việt Nam	2	5	698.000.000
28	Ô tô con	PEUGEOT	3008 PAS5G6-01	Việt Nam	1,6	5	1.249.000.000
29	Ô tô con	SKODA	SLAVIA AMBITION PBT3BC	Việt Nam	1	5	475.000.000
30	Ô tô con	SKODA	KUSHAQ AMBITION PAV3BC	Việt Nam	1	5	575.000.000
31	Ô tô con	MERCEDES-BENZ	E 200 EXCLUSIVE (W214) 214050	Việt Nam	2	5	2.639.000.000
32	Ô tô con	MERCEDES-BENZ	E 300 AMG (W214) 214046	Việt Nam	2	5	3.259.000.000
33	Ô tô con	MERCEDES-BENZ	C 200 AVANTGARDE PLUS (V2) 206042	Việt Nam	1,5	5	1.799.000.000
B. XE ĐIỀU CHỈNH TĂNG/GIẢM TRÊN 5%							
34	Ô tô con	FORD	TERRITORY (JX6470PD6-TREND)	Việt Nam	1,5	5	684.000.000
35	Ô tô con	FORD	TERRITORY JX6470PD6-TITA	Việt Nam	1,5	5	789.000.000
36	Ô tô con	FORD	TERRITORY JX6470PD6-TITA X	Việt Nam	1,5	5	840.000.000
37	Ô tô con	HONDA	CITY RS-(GN268REN)	Việt Nam	1,5	5	529.000.000
38	Ô tô con	HONDA	CITY RS-GN268REN	Việt Nam	1,5	5	519.000.000
39	Ô tô con	HONDA	HR-V G (RV386TLN)	Nhập khẩu	1,5	5	648.500.000
40	Ô tô con	HYUNDAI	CRETA 1.5 MPI GL FL	Việt Nam	1,5	5	595.000.000
41	Ô tô con	HYUNDAI	GRAND I10 1.2AT FL	Việt Nam	1,5	5	418.000.000
42	Ô tô con	HYUNDAI	STARGAZER (I6W7D661V D D183)	Nhập khẩu	1,5	7	460.000.000
43	Ô tô con	HYUNDAI	STARGAZER (I6W7D661V G G360)	Nhập khẩu	1,5	7	583.000.000
44	Ô tô con	HYUNDAI	STARGAZER (I6W7D661V G G371)	Nhập khẩu	1,5	7	600.000.000
45	Ô tô con	HYUNDAI	TUCSON 1.6 T-GDI 7DCT PE	Việt Nam	1,6	5	844.000.000
46	Ô tô con	HYUNDAI	TUCSON 2.0 MPI 6AT HGS PE	Việt Nam	2,0	5	807.000.000
47	Ô tô con	KIA	CARENS KY 1.5G IVT FL7-01	Việt Nam	1,5	7	604.000.000
48	Ô tô con	KIA	CARNIVAL KA4 PE 2.2 AT FH7	Việt Nam	2,2	7	1.470.000.000
49	Ô tô con	KIA	MORNING JAPE 1.2G MT FL5	Việt Nam	1,2	5	309.000.000
50	Ô tô con	KIA	SELTO SP21 PE 1.5G CVT FH5	Việt Nam	1,5	5	579.000.000
51	Ô tô con	KIA	SORENTO MQ4 PE 2.5 AT AH7	Việt Nam	2,5	7	1.262.000.000
52	Ô tô con	MAZDA	3 BA2SAA	Việt Nam	1,5	5	592.500.000

STT	Loại tài sản	Nhãn hiệu	Kiểu loại xe	Nguồn gốc	Thể tích làm việc (Lit)	Số chỗ ngồi	Giá
53	Ô tô con	MAZDA	3 BB2SAA	Việt Nam	1,5	5	666.000.000
54	Ô tô con	MAZDA	CX-5 KE2W7A	Việt Nam	2,0	5	809.000.000
55	Ô tô con	MAZDA	CX-8 KG2WLA	Việt Nam	2,5	7	950.000.000
56	Ô tô con	MAZDA	MAZDA CX-30 (DGDALAJ)	Nhập khẩu	2,0	5	667.000.000
57	Ô tô con	MG	MG G50 1.5T MT COM 2WD (SV5A0600L128322)	Nhập khẩu	1,5	8	455.000.000
58	Ô tô con	MG	MG5 1.5L (MCMNLT13K7C)	Nhập khẩu	1,5	5	457.000.000
59	Ô tô con	MG	ZS 1.5L LUX (MZLUSD17K7C)	Nhập khẩu	1,5	5	548.000.000
60	Ô tô con	MITSUBISHI	ATTRAGE GLX (A13ASNHL)	Nhập khẩu	1,2	5	334.000.000
61	Ô tô con	MITSUBISHI	DESTINATOR H (GT2WXTPLVVT)	Nhập khẩu	1,5	7	735.000.000
62	Ô tô con	MITSUBISHI	DESTINATOR P2 (2 TONES) GT2WXTPLVVT	Nhập khẩu	1,5	7	806.000.000
63	Ô tô con	MITSUBISHI	XFORCE P2 (GR1WXTBGLVVT)	Nhập khẩu	1,5	5	665.000.000
64	Ô tô con	MITSUBISHI	XPANDER AT ECO NC1WLRHHLVT2	Việt Nam	1,5	7	508.000.000
65	Ô tô con	MITSUBISHI	XPANDER CROSS (NC1WXRQHLVVT)	Nhập khẩu	1,5	7	699.000.000
66	Ô tô con	MITSUBISHI	XPANDER GLP (NC1WLRQHLVVT)	Nhập khẩu	1,5	7	578.000.000
67	Ô tô con	MITSUBISHI	XPANDER GLX (NC1WLRNMHLVVT)	Nhập khẩu	1,5	7	492.000.000
68	Ô tô con	SKODA	SLAVIA STYLE PBT4BC	Việt Nam	1,0	5	511.000.000
69	Ô tô con	SUZUKI	JIMNY GLX 4AT (JB74V)	Nhập khẩu	1,5	4	619.000.000
70	Ô tô con	SUZUKI	XL7 HYBRID GLX AT (ANC32S)	Nhập khẩu	1,5	7	559.900.000
71	Ô tô con	TOYOTA	AVANZA PREMIO W101LE-LMMFVV	Việt Nam	1,5	7	508.000.000
72	Ô tô con	TOYOTA	CAMRY HEV MID CE (AXVH80L-JEXVBT)	Nhập khẩu	2,5	5	1.320.000.000
73	Ô tô con	TOYOTA	CAMRY HEV TOP CE (AXVH80L-JEXVBT)	Nhập khẩu	2,5	5	1.452.000.000
74	Ô tô con	TOYOTA	COROLLA CROSS HEV CE (ZVG10L-DHXEBU)	Nhập khẩu	1,8	5	858.000.000
75	Ô tô con	TOYOTA	INNOVA CROSS 2.0HEV (MAGH10L-BPXHBU)	Nhập khẩu	2,0	7	948.000.000
76	Ô tô con	TOYOTA	VELOZ CROSS W101LE-LBSFVV	Việt Nam	1,5	7	551.000.000
77	Ô tô con	TOYOTA	VELOZ CROSS W101LE-LBVFVV	Việt Nam	1,5	7	627.000.000
78	Ô tô con	TOYOTA	VIOS 1.5G MLM NSP151L-EEXGKU	Việt Nam	1,5	5	499.000.000
79	Ô tô con	TOYOTA	VIOS E-CVT MLM NSP151L-EEXRKU	Việt Nam	1,5	5	463.000.000
80	Ô tô con	TOYOTA	VIOS E-MT MLM NSP151L-EEMRKU	Việt Nam	1,5	5	431.000.000
81	Ô tô con	TOYOTA	YARIS CROSS (NGC200L-DHXHKF)	Nhập khẩu	1,5	5	622.000.000
82	Ô tô con	TOYOTA	YARIS CROSS HEV (NYC200L-DHXHBF)	Nhập khẩu	1,5	5	690.000.000